CTCP TẬP ĐOÀN HOA SEN

Số: 122/CV/HSG/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2020

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2019-2020

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2019-2020 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2019-2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II NĐTC 2019-2020 (từ 01/01/2020 đến 31/3/2020)	Quý II NĐTC 2018-2019 (từ 01/01/2019 đến 31/3/2019)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	5.778.517.351.218	6.911.281.307.835	(1.132.763.956.617)	-16%
2	Giá vốn hàng bán	4.702.644.291.988	6.128.868.686.256	(1.426.224.394.268)	-23%
3	Lợi nhuận gộp	1.075.873.059.230	782.412.621.579	293.460.437.651	38%
4	Doanh thu tài chính	24.350.205.633	9.348.498.719	15.001.706.914	160%
5	Chi phí tài chính	222.901.652.918	203.621.427.234	19.280.225.684	9%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*151.674.135.447*	*192.420.411.211*	(40.746.275.764)	-21%
6	Chi phí bán hàng	503.610.066.891	434.032.224.685	69.577.842.206	16%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.091.890.744	123.967.660.649	18.124.230.095	15%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	231.619.654.310	30.139.807.730	201.479.846.580	668%
9	Thu nhập khác	7.867.071.723	25.514.094.757	(17.647.023.034)	-69%
10	Chi phí khác	9.520.241.538	1.225.324.257	8.294.917.281	677%
11	Lợi nhuận khác	(1.653.169.815)	24.288.770.500	(25.941.940.315)	-
12	Lợi nhuận trước thuế	229.966.484.495	54.428.578.230	175.537.906.265	323%
13	Thuế TNDN hiện hành	53.455.475.893	13.385.371.909	40.070.103.984	299%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(24.531.303.253)	(12.164.338.233)	(12.366.965.020)	-
15	Lợi nhuận sau thuế	201.042.311.855	53.207.544.554	147.834.767.301	278%

Trong Quý II NĐTC 2019-2020, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 201 tỷ đồng, tăng 147,8 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2018-2019. Nguyên nhân chủ yếu là: so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 293,4 tỷ đồng (tương đương 38%).

2. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất luỹ kế 6 tháng đầu NĐTC 2019-2020:

STT	CHỈ TIÊU	Luỹ kế 6 tháng đầu NĐTC 2019-2020 (từ 01/01/2020 đến 31/3/2020)	Luỹ kế 6 tháng đầu NĐTC 2018-2019 (từ 01/01/2019 đến 31/3/2019)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	12.363.516.511.588	14.456.718.208.621	(2.093.201.697.033)	-14%
2	Giá vốn hàng bán	10.334.545.351.978	13.068.970.077.235	(2.734.424.725.257)	-21%
3	Lợi nhuận gộp	2.028.971.159.610	1.387.748.131.386	641.223.028.224	46%
4	Doanh thu tài chính	31.070.577.040	31.841.073.024	(770.495.984)	-2%
5	Chi phí tài chính	396.922.139.417	403.740.264.217	(6.818.124.800)	-2%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*309.650.318.735*	*382.058.482.066*	(72.408.163.331)	-19%
6	Chi phí bán hàng	971.248.613.454	869.076.326.042	102.172.287.412	12%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	246.635.238.924	225.858.590.702	20.776.648.222	9%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	445.235.744.855	(79.085.976.551)	524.321.721.406	-
9	Thu nhập khác	14.121.376.402	248.553.795.923	(234.432.419.521)	-94%
10	Chi phí khác	9.552.074.686	21.160.367.318	(11.608.292.632)	-55%
11	Lợi nhuận khác	4.569.301.716	227.393.428.605	(222.824.126.889)	-98%
12	Lợi nhuận trước thuế	449.805.046.571	148.307.452.054	301.497.594.517	203%
13	Thuế TNDN hiện hành	99.753.258.668	45.297.448.858	54.455.809.810	120%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(32.095.783.706)	(13.344.552.707)	(18.751.230.999)	-
15	Lợi nhuận sau thuế	382.147.571.609	116.354.555.903	265.793.015.706	228%

Trong 6 tháng đầu NĐTC 2019-2020, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 382 tỷ đồng, tăng 265,8 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2018-2019. Nguyên nhân chủ yếu là: so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 641,2 tỷ đồng (tương đương 46%).

Trân trọng cám ơn và kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC TRÍ

Nơi nhận:

- *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*
- *Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh*
- *Lưu văn thư*